ATOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2020/ HNGĐ-ST
Ngày 23/07/2020
V/v: "Tranh chấp không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân , ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ngô Thị Thủy - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang: Bà Trần Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/07/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/07/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn N , xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn C , xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.

(Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr năm 1995 có kết hôn với trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Về giấy đăng ký kết hôn thì hiện chị không còn lưu giữ được nên không có để cung cấp cho Tòa án. Khi kết hôn xong chị về nhà anh Tr chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Đến tháng 7 năm 2004 thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Tr.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Q , sinh ngày 07/4/1996 và Nguyễn Thị Q , sinh ngày

24/4/1999. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung, ruộng đất canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh Nguyễn Văn Tr quá trình giải quyết vụ án không có bản tự khai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Anh đã nhận được giấy báo và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập để tham gia phiên họp, do công việc bận anh không thể tham gia phiên họp, anh xin được vắng mặt tại phiên họp và toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã T thì được cung cấp thông tin: Anh Tr và chị O có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, sau khi kết hôn chị O về nhà anh Tr sinh sống, quá trình sinh sống thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2004 chị O không ở cùng anh Tr, vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không biết vì không báo cáo chính quyền địa phương. Về việc xác định chị O, anh Tr có đăng ký kết hôn vì chỉ có đăng ký kết hôn thì chị O mới về sinh sống cùng anh Tr và UBND xã T quy định phải có đăng ký kết hôn thì mới khai sinh được cho con, 02 con của chị O và anh Tr đều được khai sinh tại UBND xã T nên UBND xã xác nhận chị O, anh Tr có đăng ký kết hôn. Do sổ đăng ký kết hôn thời điểm năm 1995 UBND xã T không còn lưu trữ nên không có tài liệu cung cấp cho Tòa án và không có tài liệu nào thể hiện chị O, anh Tr có đăng ký kết hôn.

Về con chung vợ chồng chị O, anh Tr có 02 con chung, các con đã trưởng thành. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét quyết định xử vắng mặt chị O, anh Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị O:

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn Tr là vợ chồng.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị O chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị O cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc " Không công nhận là vợ chồng". Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, chị O, anh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O, anh Tr theo quy định tại điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O có trình bày chị và anh Tr có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T và chung sống với nhau từ năm 1995.Trước khi cưới anh, chị được tự do tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Quá trình giải quyết vụ án chị O có cung cấp cho Tòa án đơn có xác nhận của UBND xã T về việc vợ chồng chị có đăng ký kết hôn, Tòa án có yêu cầu chị O cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn nhưng chị O không cung cấp được, Tòa án có xác minh tại UBND xã T thì được cung cấp thông tin: UBND xã T xác nhận cho chị O, anh Tr có đăng ký kết hôn là vì chị O ở nơi khác mà về chuyển khẩu được về nhà anh Tr chung sống và các con của chị O, anh Tr có làm được giấy khai sinh tại UBND T thì phải có đăng ký kết hôn, nhưng hiện nay UBND xã T không lưu trữ được tài liệu nào thể hiện chị O, anh Tr có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị O thì thấy, chị O không cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn hoặc trích lục kết hôn, UBND xã Thái Đào không lưu trữ được tài liệu nào chứng minh chị O, anh Tr có đăng ký hôn, chị O, anh Tr chỉ được được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán như vậy không thể xác định chị O và anh Tr có đăng ký kết hôn hợp pháp nên không thể giải quyết ly hôn, việc chị O, anh Tr không đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị O khai cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 7 năm 2004 vợ chồngbất đồng quan điểm sống chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Do đó quan hệ pháp luật là " không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị O và anh Tr. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về con chung: Chị O, anh Tr có 02 con chung là Nguyễn Văn Q , sinh ngày 07/4/1996 và Nguyễn Thị Q , sinh ngày 24/4/1999. Hiện các con chung đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[6]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị O không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí DSST theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

Xử:

[2]. Không công nhận chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn Tr là vợ chồng.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số AA/2019/0002257 ngày 05/05/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị O đã thi hành xong phần án phí DSST.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn Tr vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKS TP.Bắc Giang,
- CCTHA dân sự TP.Bắc Giang,
- UBND xã T,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thu Hà